TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mừng.

2. Ông Siu Thun Phrâo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 17/TB-TA ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Vi Văn G, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Thanh Xuân, xã Xuân Thái, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Ngọc C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Phú Hà, xã Ia Blứ; huyện C, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Vi Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Ngọc C tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2020 ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã Ia Blứ, huyện C, tỉnh G. Sau khi kết hôn được một thời gian thì anh chị nảy sinh mâu

thuẫn nên thường xuyên xãy ra tranh cãi, quan hệ vợ chồng ngày càng bất hoà, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã hàn gắn nhưng không thành, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và cả hai đã sống ly thân với nhau. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Ngọc C.

Về con chung: Anh và chị Phan Thị Ngọc C có 01 con chung là cháu Vi Phan An Nh, sinh ngày 02/3/2020. Do con còn nhỏ và đang ở cùng với chị Phan Thị Ngọc C, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu An Nh cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị Phan Thị Ngọc C tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

** Tại bản tự khai ngày 28/10/2024 bị đơn chị Phan Thị Ngọc C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn G tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2020 ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã Ia Blứ, huyện C, tỉnh G. Sau khi kết hôn được một thời gian thì cả nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh G thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc nên thường xuyên cãi vả, không tìm được tiến nói chung, dẫn đến việc cả hai sống li thân với nhau. Sau một thời gian cảm thấy không thể cứu vãn được cuộc hôn nhân giữa cả hai nên chị cũng đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn G.

Về con chung: Chị và anh Vi Văn G có 01 con chung là cháu Vi Phan An Nh, sinh ngày 02/3/2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con An Nh cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng hàng tháng để chị nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn G. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vi Văn G được ly hôn chị Phan Thị Ngọc C. Về con chung: Giao con chung là Vi Phan An Nh, sinh ngày 02/3/2020 cho chị Phan Thị Ngọc C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh Vi Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con trong

vụ án này. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Anh Vi Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật *(Có bài phát biểu kèm theo hồ sơ)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Vi Văn G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Phan Thị Ngọc C. Chị C hiện cư trú tại Thôn Phú Hà, xã Ia Blứ; huyện C, tỉnh G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn G.

[2] Anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G và chị C.

[3] Anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C đều trình bày anh chị tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2020 ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã Ia Blứ, huyện C, tỉnh G. Việc kết hôn của anh G và chị C đảm bảo về điều kiện kết hôn, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh G và chị C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng đều không thành, dẫn đến việc cả hai sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, a G và chị C đồng ý ly hôn với nhau, nhưng do cả hai anh chị đều vắng mặt tại phiên toà nên không ghi nhận được sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự về việc ly hôn.

[4] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..."* và *"...có nghĩa vụ sống chung với nhau".* Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng... vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".* Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh G và chị C là có thật, anh chị đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Cả hai đều thừa nhận bản thân không còn tình cảm thương yêu, không muốn tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy căn cứ vào Điều

19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn G, xử cho anh Gianh và chị Phan Thị Ngọc C ly hôn.

[5] Về con chung: Anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C có một con chung là cháu Vi Phan An Nh, sinh ngày 02/3/2020. Khi ly hôn, cả hai thống nhất giao con chung cho chị C nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Nhiên đang được chị C nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo về mọi mặt. Để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con chung, căn cứ vào các Điều 58 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Nhiên cho chị C có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi anh G và chị C ly hôn.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Ngọc C không yêu cầu anh Vi Văn G phải cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của chị C nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[7] Về tài sản và nợ chung: Anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

[8] Về án phí: Anh Vi Văn G là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14.

[9] Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Văn G.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung của anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C là cháu Vi Phan An Nh, sinh ngày 02/3/2020 cho chị Phan Thị Ngọc C có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C. Thời điểm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung bắt đầu từ ngày tuyên án (ngày 10/01/2025) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vi Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Vi Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006147 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G. Anh Vi Văn G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Anh Vi Văn G và chị Phan Thị Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Ia Blứ, huyện C, tỉnh G (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nay Lu Vinh